

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2026/HS-ST**

Ngày 22-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạ, ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn T**; tên gọi khác: Bờm; sinh ngày 19 tháng 12 năm 1991 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn R và bà Lê Thị C; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: không; Tiền án: 03;

Ngày 28 tháng 4 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) xử phạt 06 năm tù về tội Cướp giật tài sản, tại Bản án số 89/2014/HSST. Ngày 12/7/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk) xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tại Bản án số 26/2019/HSST. Ngày 22/4/2021 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 331/2022/HSST. Ngày 26/02/2025, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T1 - Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Y Joan K, sinh năm 1992. Địa chỉ: Buôn K, phường T, tỉnh

Đắk Lắk – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số D P, phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Ông Dương Văn R, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2025, Dương Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ, biển số 47AA – 236.67 từ nhà đến khu vực đường A, phường T, tỉnh Đắk Lắk tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đường A, T thấy người nam thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) có dấu hiệu là người nghiện ma túy nên T dừng xe lại sát xe nam thanh niên này và hỏi “*Anh có hàng không*” thì nam thanh niên này trả lời “*Có*”. T nói “*Bán cho em năm trăm*” và đưa số tiền 500.000 đồng cho nam thanh niên này, thì nam thanh niên lấy từ trong túi áo khoác đang mặc 01 gói giấy bạc bên trong có ma túy Heroin đưa cho T. Sau khi mua được ma túy, T đi đến tiệm bán thuốc tây gần đó mua 01 ống nước cất và 01 bơm kim tiêm rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực đất trống cuối đường A, phường T, tỉnh Đắk Lắk sử dụng ma túy.

Sử dụng ma túy xong, T điều khiển xe chạy về hướng đầu đường A thì gặp người nam thanh niên tên thường gọi là M (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đang điều khiển xe mô tô (không rõ đặc điểm, biển số xe). Do không có tiền tiêu xài nên T rủ M cùng nhau đi trộm cắp tài sản của người dân sơ hở trong việc quản lý để bán lấy tiền tiêu xài thì M đồng ý. T và M điều khiển xe đến Bệnh viện đa khoa vùng T, tại địa chỉ số A đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk để T vào gửi xe của T tại đây rồi cùng M đi xe của M đi trộm cắp tài sản. Sau đó, M chở T đi vào khu vực buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi T và M đi ngang qua nhà ông Lâm Ngọc A thì thấy có một số tài sản gồm 02 máy khoan pin, màu xanh; 01 máy hàn điện, màu vàng để ngoài sân không có người trông coi. Thấy vậy, M dừng xe ngoài đường cạnh giới, còn T xuống xe chạy vào lấy trộm 02 máy khoan pin, màu xanh và 01 máy hàn điện màu vàng nêu trên rồi chạy ra ngoài lên xe của M rồi cùng nhau tẩu thoát tìm nơi tiêu thụ. Sau đó, T và M đem số tài sản trộm cắp được đến tiệm mua bán phế liệu của bà Lê Thị T2, tại địa chỉ số D P, phường T, tỉnh Đắk Lắk bán 02 máy khoan pin, màu xanh và 01 máy hàn điện, màu vàng cho bà T2 được số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). T chia cho M số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*), rồi M điều khiển xe chở T quay lại Bệnh viện Đ gửi xe của M tại đây và lấy xe của T để tiếp tục chở nhau đi trộm cắp tài sản. Sau đó, cả hai tiếp tục đi vào buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk tìm tài sản để trộm cắp. Khi T và M đang điều khiển xe chạy trên đường nội bộ thuộc buôn K thì bị lực lượng Công

an phường T, tỉnh Đắk Lắk và quần chúng nhân dân phát hiện đuổi bắt được T, còn M chạy thoát.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ: 01 máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng; 01 máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu; 01 cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thế C1, loại 5.0Ah, 18V; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 47AA-236.67, số khung RLHJA3939SY076157, số máy JA70E0916517.

* Tại kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản Phường T, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

01 (một) máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng, máy đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 30/12/2025 có giá trị 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 (một) máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, máy đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 30/12/2025 có giá trị 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*); 01 (một) cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thế C1, loại 5.0Ah, 18V, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 30/12/2025 có giá trị 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị là 2.300.000 đồng (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

* Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản Phường T, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 (một) máy khoan đa năng (khoan, siết bu lông) cầm tay dùng pin, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, máy đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 30/12/2025 có giá trị 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 138/CT-VKS-KV1 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Dương Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý như sau:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Y Joan K: 01 (một) máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng, 01 (một) máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, 01 (một) cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thế

C1, loại 5.0Ah, 18V; đã trả lại cho ông Dương Văn R: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 47AA-236.67, số khung RLHJA3939SY076157, số máy JA70E0916517.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo Dương Văn T và bị hại ông Y Joan K số tiền 1.000.000 đồng. Ông Y Joan K đã nhận số tiền 1.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc bà Lê Thị T2 không yêu cầu bị cáo Dương Văn T phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác nên ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại địa bàn buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Dương Văn T (đã có 03 tiền án, chưa được xóa án tích) cùng đồng phạm tên M (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đã lén lút trộm cắp của anh Y Joan K: 01 (một) máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng, 01 (một) máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, 01 (một) cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thép C1, loại 5.0Ah, 18V và 01 (một) máy khoan đa năng (loại khoan, siết bu lông) cầm tay dùng pin, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, đã qua sử dụng, tổng giá trị 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng), thì bị phát hiện xử lý.

Hành vi của bị cáo Dương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

.....”.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, bị cáo đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tài sản trộm cắp là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn T có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Dương Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 (một) máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng, 01 (một) máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, 01 (một) cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thế C1, loại 5.0Ah, 18V đã qua sử dụng, tạm giữ của bà Lê Thị

T2. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của ông Y Joan K. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Y Joan K nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 47AA-236.67, số khung RLHJA3939SY076157, số máy JA70E0916517, dung tích xi lanh 109.2 cm³, tạm giữ của bị cáo Dương Văn T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Dương Văn R (là bố đẻ của bị cáo T và được bị cáo ủy quyền nhận) nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 (một) máy khoan đa năng (loại khoan, siết bu lông) cầm tay dùng pin, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, đã qua sử dụng. Sau khi bị cáo Dương Văn T và đối tượng tên “Mập” bán cho bà Lê Thị T2 thì bà T2 đã bán lại cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho ông Y Joan K số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), ông Y Joan K đã nhận số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét sự thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo T và bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận là phù hợp.

Chấp nhận việc bà Lê Thị T2 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Các tình tiết khác của vụ án:

Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho bị cáo T và người nam thanh niên tên “Mập” là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo. Quá trình điều tra cho đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi của các đối tượng này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với bà Lê Thị T2 là người mua tài sản do bị cáo T và đối tượng tên “Mập” trộm cắp. Tuy nhiên, bà T2 không biết những tài sản này do bị cáo T và đối tượng tên M trộm cắp được mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với bà T2 là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định hành vi của bị cáo T không cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, Công an phường T, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trên của bị cáo T là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T **02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, từ ngày 10/01/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Y Joan K là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (một) máy hàn điện, nhãn hiệu Hồng Ký, màu vàng, 01 (một) máy khoan bê tông, nhãn hiệu DEKTON, màu xanh rêu, 01 (một) cục pin màu đỏ đen, nhãn hiệu Thế C1, loại 5.0Ah, 18V, đã qua sử dụng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Dương Văn R: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ, biển số 47AA-236.67, số khung RLHJA3939SY076157, số máy JA70E0916517, dung tích xi lanh 109.2 cm³.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo Dương Văn T và bị hại ông Y Joan K số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ông Y Joan K đã nhận số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc bà Lê Thị T2 không yêu cầu bị cáo Dương Văn T phải bồi thường gì thêm.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My